ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH HẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN NINH HẢI NĂM HỌC 2024-2025

(Kèm theo Quyết định số 6288/QĐ-UBND, ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Chủ tịch UBND huyện Ninh Hải)

STT	Họ và tên	Năm sinh		Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn	Hình thức đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ		Dự tuyển ngạch viên chức	Diện ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thực hành (phỏng vấn)			Tổng điểm xét tuyển	Kết quả xét tuyển	Ghi chú
		Nam	Nữ					Tin học	Ngoại ngữ				Tiết 1	Tiết 2	Điểm BQ			
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*10*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
*	**TỔNG SỐ: 22 THÍ SINH TRÚNG TUYỂN/22 CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG**																	
A	**CẤP MẦM NON, MẪU GIÁO: 05 TRÚNG TUYỂN/05 CHỈ TIÊU**																	
I	**Trường Mẫu giáo Vĩnh Hải: 02 trúng tuyển**																	
1	K Thị Thu		1996	Ninh Hải, Ninh Thuận	Đại học	Vừa làm vừa học	Giáo dục mầm non	A	B	Giáo viên Mầm non	DTTS	5	77,50	82,17	79,84	84,84	**Trúng tuyển**	
2	Nguyễn Thị Như ý		2002	Ninh Hải, Ninh Thuận	Đại học	Chính quy	Giáo dục mầm non	A	A2	Giáo viên Mầm non			68,17	66,33	67,25	67,25	Hỏng	
3	Nguyễn Thị Huệ		1997	Ninh Hải, Ninh Thuận	Đại học	Vừa làm vừa học	Giáo dục mầm non	A	A	Giáo viên Mầm non			77,17	85,67	81,42	81,42	**Trúng tuyển**	
II	**Trường Mầm non Thành Sơn: 01 trúng tuyển**																	
1	Lê Thị Thúy Trinh		1997	Ninh Hải, Ninh Thuận	Đại học	Vừa làm vừa học	Giáo dục mầm non	Cơ bản	B	Giáo viên Mầm non			86,30	83,00	84,65	84,65	**Trúng tuyển**	
2	Huỳnh Thị Kim Huệ		1995	Ninh Hải, Ninh Thuận	Đại học	Vừa làm vừa học	Giáo dục mầm non	Cơ bản	A2	Giáo viên Mầm non			72,60	80,80	76,70	76,70	Hỏng	
III	**Trường Mẫu giáo Tân Hải: 01 trúng tuyển**																	
1	Trương Thị Ngọc		2001	Ninh Hải, Ninh Thuận	Cao đẳng	Chính quy	Giáo dục mầm non	Cơ bản	A2	Giáo viên Mầm non			85,16	89,50	87,33	87,33	**Trúng tuyển**	
2	Tài Nữ Như Quỳnh		2001	Ninh Hải, Ninh Thuận	Cao đẳng	Chính quy	Giáo dục mầm non	Cơ bản	A2	Giáo viên Mầm non	DTTS	5	80,66	71,66	76,16	81,16	Hỏng	
3	Giai Nữ Tuyết Trinh		1996	Ninh Hải, Ninh Thuận	Cao đẳng	Chính quy	Giáo dục mầm non	Cơ bản	A2	Giáo viên Mầm non	DTTS	5	74,50	70,50	72,50	77,50	Hỏng	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn	Hình thức đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ		Dự tuyển ngạch viên chức	Diện ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thực hành (phỏng vấn)			Tổng điểm xét tuyển	Kết quả xét tuyển	Ghi chú
		Nam	Nữ					Tin học	Ngoại ngữ				Tiết 1	Tiết 2	Điểm BQ			
4	Nguyễn Thị Mỹ Tâm		2002	Thuận Nam Ninh Thuận	Cao đẳng	Chính quy	Giáo dục mầm non	Cơ bản	A2	Giáo viên Mầm non			/	/	/	/	Hỏng	Bỏ thi
IV	**Trường Mẫu giáo Hộ Hải: 01 trúng tuyển**																	
1	Trần Ngọc Thanh Quý		2000	Ninh Hải, Ninh Thuận	Đại học	Liên thông	Giáo dục mầm non	Cơ bản	B	Giáo viên Mầm non			85,50	80,70	83,10	83,10	**Trúng tuyển**	
B	**CẤP TIỂU HỌC: 02 TRÚNG TUYỂN/02 CHỈ TIÊU**																	
I	**Trường Tiểu học Khánh Nhơn: 01 trúng tuyển**																	
1	Nguyễn Nữ Anh Đào		1993	Ninh Hải, Ninh Thuận	Đại học	Chính quy	Giáo dục tiểu học	Cơ bản	B	Giáo viên Tiểu học	DTTS	5	74,67	75,33	75,00	80,00	**Trúng tuyển**	
2	Nguyễn Diễm Huyền		2002	Ninh Hải, Ninh Thuận	Đại học	Chính quy	Giáo dục tiểu học	Cơ bản	Bậc 3	Giáo viên Tiểu học			70,33	73,67	72,00	72,00	Hỏng	
3	Nguyễn Huy Hùng	1995		Ninh Hải, Ninh Thuận	Đại học	Chính quy	Giáo dục tiểu học	Cơ bản	Bậc 3	Giáo viên Tiểu học	NVQS	2,5	61,67	60,33	61,00	63,50	Hỏng	
II	**Trường Tiểu học Mỹ phong: 01 trúng tuyển**																	
1	Nguyễn Thị Kim Thúy		1996	Ninh Hải, Ninh Thuận	Đại học	Liên thông	Giáo dục tiểu học	Cơ bản	TOEIC	Giáo viên Tiểu học			68,3	72,2	70,5	70,5	Hỏng	
2	Dương Nữ Tuyết Ngân		1995	Ninh Phước, Ninh Thuận	Đại học	Liên thông	Giáo dục tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học	Dân tộc	5	68,0	69,7	68,8	73,8	**Trúng tuyển**	
3	Đàng Thi Mỹ Uyên		1993	Ninh Phước, Ninh Thuận	Đại học	Liên thông	Giáo dục tiểu học	B	A2		Dân tộc	5	/	/	/	/	Hỏng	Bỏ thi
C	**CẤP THCS VÀ LIÊN CẤP: 15 TRÚNG TUYỂN/15 CHỈ TIÊU**																	
I	**Trường TH-THCS Mai Thúc Loan: 01 trúng tuyển**																	
1	Trần Nữ Kim Hồng		1993	Ninh Hải, Ninh Thuận	Đại học	Vừa làm vừa học	Sư phạm tiếng Anh	A	B2	Giáo viên Tiếng Anh			97,30	95,80	96,55	96,55	**Trúng tuyển**	
2	Tài Thị Gia Nhị		1992	Ninh Hải, Ninh Thuận	Đại học	Vừa làm vừa học	Sư phạm tiếng Anh	Cơ bản	B Tiếng trung	Giáo viên Tiếng Anh	DTTS	5	82,50	82,50	82,50	87,50	Hỏng	
3	Nguyễn Thị Thanh Thoa		2000	Ninh Hải, Ninh Thuận	Đại học	Vừa làm vừa học	Sư phạm tiếng Anh	Cơ bản	B2	Giáo viên Tiếng Anh			79,00	72,30	75,65	75,65	Hỏng	
4	Ninh Thị Hoàng Hậu		1996	Ninh Hải, Ninh Thuận	Đại học	Vừa làm vừa học	Sư phạm tiếng Anh	Cơ bản		Giáo viên Tiếng Anh	DTTS	5	72,70	68,00	70,35	75,35	Hỏng	
5	Thành Thủy Linh		1988	Ninh Hải, Ninh Thuận	Đại học	Vừa làm vừa học	Sư phạm tiếng Anh	A		Giáo viên Tiếng Anh	DTTS	5	/	/	/	/	Hỏng	Bỏ thi

STT	Họ và tên	Năm sinh		Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn	Hình thức đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ		Dự tuyển ngạch viên chức	Diện ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thực hành (phỏng vấn)			Tổng điểm xét tuyển	Kết quả xét tuyển	Ghi chú
		Nam	Nữ					Tin học	Ngoại ngữ				Tiết 1	Tiết 2	Điểm BQ			
II	**Trường TH-THCS Ngô Quyền: 04 trúng tuyển**																	
*	**Giáo viên: 03 trúng tuyển**																	
1	Đào Thị Hồng Diệu		2002	Ninh Hải, Ninh Thuận	Đại học	Chính quy	Giáo dục tiểu học	Nâng cao	B1	Giáo viên Tiểu học			85,33	85,17	85,25	85,25	**Trúng tuyển**	
2	Trần Thị Thu Hà		2001	Ninh Hải, Ninh Thuận	Đại học	Chính quy	Giáo dục tiểu học	Cơ bản	B1	Giáo viên Tiểu học			65,33	69,17	67,25	67,25	Hỏng	
3	Võ Hoàng Anh		2002	Ninh Hải, Ninh Thuận	Đại học	Chính quy	Giáo dục tiểu học	Cơ bản	B1	Giáo viên Tiểu học			89,83	92,33	91,08	91,08	**Trúng tuyển**	
4	Dương Nữ Tuyết Ngân		1995	Ninh Phước, Ninh Thuận	Đại học	Liên thông	Giáo dục tiểu học	B	B1	Giáo viên Tiểu học	DTTS	5	/	/	/	5		Bỏ thi
5	Trần Nguyễn Bách Hợp		2000	Ninh Hải, Ninh Thuận	Đại học	Vừa làm vừa học	Sư phạm tiếng Anh	Cơ bản	B2	Giáo viên THCS			76,75	80,83	78,79	78,79	Hỏng	
6	Nguyễn Thị Ngọc Hương		1987	Ninh Hải, Ninh Thuận	Đại học	Vừa làm vừa học	Sư phạm tiếng Anh	A	Bậc 3	Giáo viên THCS			64,08	80,50	72,29	72,29	Hỏng	
7	Trần Thị Kim Hiếu		2002	Ninh Hải, Ninh Thuận	Đại học	Chính quy	Sư phạm tiếng Anh	Cơ bản	Bậc 5	Giáo viên THCS			87,17	89,00	88,09	88,09	**Trúng tuyển**	
8	Nguyễn Cao Minh Trang		1999	PRTC, Ninh Thuận	Đại học	Vừa làm vừa học	Sư phạm tiếng Anh	Cơ bản	Bậc 4	Giáo viên THCS			/	/	/	/	Hỏng	Bỏ thi
9	Dương Thị Giàu		1996	Ninh Hải, Ninh Thuận	Đại học	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Cơ bản	Bậc 4	Giáo viên THCS			/	/	/	/	Hỏng	Bỏ thi
*	**Nhân viên Kế toán: 01 trúng tuyển**																	
1	Trần Thị Thiện Trúc		1996	Ninh Hải, Ninh Thuận	Đại học	Chính quy	Kế toán	Cơ bản	B	NV kế toán					34,67	34,67	Hỏng	
2	Trần Thị Mai Anh		1991	PRTC, Ninh Thuận	Đại học	GD từ xa	Kế toán	THVP (B)	B	NV kế toán					83,33	83,33	**Trúng tuyển**	
3	Bá Thị Thu Thanh		2002	Thuận Nam Ninh Thuận	Cao đẳng	Chính quy	Kế toán	Cơ bản		NV kế toán								Hồ sơ không đủ đk thi vòng 2
III	**Trường THCS Ngô Sỹ Liên: 01 trúng tuyển**																	
1	Lê Thị Thùy Trang		1993	PRTC, Ninh Thuận	Đại học	Chính quy	GD chính trị	Cơ bản	B	Giáo viên THCS			93,00	93,33	93,17	93,17	**Trúng tuyển**	
2	Nguyễn Thị Thùy Sương		1991	Ninh Hải, Ninh Thuận	Đại học	Chính quy	GD chính trị	Cơ bản	B	Giáo viên THCS	DTTS	5	82,67	81,00	81,84	86,84	Hỏng	
3	Bạch Thị Ngọc Mai		1995	Ninh Phước, Ninh Thuận	Đại học	Chính quy	GD chính trị	Cơ bản	B	Giáo viên THCS	DTTS	5	79,00	74,67	76,84	81,84	Hỏng	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn	Hình thức đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ		Dự tuyển ngạch viên chức	Diện ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thực hành (phỏng vấn)			Tổng điểm xét tuyển	Kết quả xét tuyển	Ghi chú
		Nam	Nữ					Tin học	Ngoại ngữ				Tiết 1	Tiết 2	Điểm BQ			
IV	**Trường THCS Đoàn Thị Điểm: 01 trúng tuyển**																	
1	Lê Thị Minh Đạm		1985	Ninh Hải, Ninh Thuận	Đại học	Vừa làm vừa học	Âm nhạc	Cơ bản	B	Giáo viên THCS			86,00	91,30	88,65	88,65	**Trúng tuyển**	
V	**Trường THCS Nguyễn Văn Linh: 02 trúng tuyển**																	
*	**Giáo viên: 01 trúng tuyển**																	
1	Vạn Ngọc Hoà	1993		Ninh Phước - Ninh Thuận	Đại học	Vừa làm vừa học	Sư phạm KHTN	Cơ bản	A2	Giáo viên THCS	DTTS	5,0	87,33	80,0	83,7	88,7	**Trúng tuyển**	
2	Trượng Thị Diễm My		1996	Ninh Phước - Ninh Thuận	Đại học	Vừa làm vừa học	Sư phạm KHTN	Cơ bản	B (T.Hoa)	Giáo viên THCS	DTTS	5,0	/	/	/	/	Hỏng	Bỏ thi
3	Hồ Phương Vũ	1987		Ninh Hải - Ninh Thuận	Cao học	Chính Quy	Vật lý	B	B	Giáo viên THCS			/	/	/	/	Hỏng	Chuyên môn không phù hợp
*	**Nhân viên Kế toán: 01 trúng tuyển**																	
1	Dương Thị Lệ Xuân		1989	Ninh Hải - Ninh Thuận	Đại học	Vừa làm vừa học	Cử nhân kế toán	B	C	NV kế toán						73,7	**Trúng tuyển**	
2	Nguyễn Trình Yến Vinh		1999	Ninh Hải - Ninh Thuận	Đại học	Chính Quy	Cử nhân kế toán			NV kế toán						26,7	Hỏng	
3	Trần Thị Thiện Trúc		1996	Ninh Hải - Ninh Thuận	Đại học	Chính Quy	Cử nhân kế toán	Nâng cao	B	NV kế toán						47,3	Hỏng	
4	Bá Thị Thu Thanh		2002	Thuận Nam - Ninh Thuận	Cao Đẳng	Chính Quy	Kế toán	Cơ bản		NV kế toán						/		Không đủ điều kiện
5	Nguyễn Thị Kim Mai		1992	Ninh Hải - Ninh Thuận	Trung cấp	Chính Quy	Kế toán	A	A	NV kế toán						/		Không đủ điều kiện
VI	**Trường THCS Nguyễn Thái Bình: 02 trúng tuyển**																	
1	Trần Thị Tuyết Mai		1996	Ninh Hải, Ninh Thuận	Đại học	Vừa làm vừa học	Sư phạm Toán học	Cơ bản	B	Giáo viên THCS			81,00	82,67	81,84	81,84	**Trúng tuyển**	
2	Nguyễn Thị Mỹ Thịnh		1990	PRTC, Ninh Thuận	Đại học	Chính quy	Sư phạm Toán học	A	B	Giáo viên THCS			72,00	69,67	70,84	70,84	Hỏng	
3	Đồng Thị Hồng Thi		1988	Ninh Phước, Ninh Thuận	Cử nhân	Chính quy	Sư phạm Lịch sử	Đại cương A	B	Giáo viên THCS	DTTS	5	80,33	/	/	/	Hỏng	Bỏ thi Tiết 2
4	Đạo Thanh Thành	1992		Ninh Sơn, Ninh Thuận	Đại học	Chính quy	Sư phạm Lịch sử	A	B	Giáo viên THCS	DTTS	5	66,33	77,00	71,67	76,67	Hỏng	
5	Đạo Diễm My		1994	Ninh Hải, Ninh Thuận	Đại học	Chính quy	Sư phạm Lịch sử	Cơ bản	B	Giáo viên THCS	DTTS	5	72,00	75,33	73,67	78,67	Hỏng	
6	Cao Thị Hải Yến		1990	PRTC, Ninh Thuận	Đại học	Chính quy	Sư phạm Lịch sử	A	A	Giáo viên THCS			90,33	91,00	90,67	90,67	**Trúng tuyển**	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn	Hình thức đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ		Dự tuyển ngạch viên chức	Diện ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thực hành (phỏng vấn)			Tổng điểm xét tuyển	Kết quả xét tuyển	Ghi chú
		Nam	Nữ					Tin học	Ngoại ngữ				Tiết 1	Tiết 2	Điểm BQ			
VII	**Trường THCS An Dương Vương: 01 trúng tuyển**																	
1	Nguyễn Ngọc Phương Hân		2001	Ninh Hải, Ninh Thuận	Đại học	Chính quy	Sư phạm Hóa học	Cơ bản	Bậc 3	Giáo viên THCS			73,33	83,00	78,17	78,17	Hỏng	
2	Lê Thị Thanh Thủy		1994	Ninh Hải, Ninh Thuận	Đại học	Chính quy	Sư phạm Hóa học	Cơ bản	B	Giáo viên THCS			80,33	84,00	82,17	82,17	**Trúng tuyển**	
VIII	**Trường THCS Lương Thế Vinh: 03 trúng tuyển**																	
1	Lâm Uyên Nhi		2001	Ninh Hải, Ninh Thuận	Đại học	Chính quy	Sư phạm Toán học	Cơ bản	B1	Giáo viên THCS			80,30	79,00	79,65	79,65	**Trúng tuyển**	
2	Phạm Thị Trà Giang		2000	Ninh Hải, Ninh Thuận	Đại học	Chính quy	Sư phạm Toán học	Cơ bản	B1	Giáo viên THCS			67,30	72,00	69,65	69,65	Hỏng	
3	Đỗ Thị Hồng Thịnh		1990	Ninh Hải, Ninh Thuận	Thạc sĩ	Chính quy	CN Sinh học	B	TOEIC	Giáo viên THCS			72,00	68,30	70,15	70,15	Hỏng	
4	Bá Thị Minh Tâm		1993	Ninh Phước, Ninh Thuận	Đại học	Chính quy	Sư phạm Sinh học	Cơ bản	B1	Giáo viên THCS			76,00	85,30	80,65	80,65	Hỏng	
5	Phan Thị Bích Ngọc		1986	PRTC, Ninh Thuận	Đại học	Chính quy	KHTN	Cơ bản	A2	Giáo viên THCS			95,30	94,70	95,00	95,00	**Trúng tuyển**	
6	Trượng Thị Diễm My		1996	Ninh Phước, Ninh Thuận	Đại học	Chính quy	KHTN	Cơ bản	B	Giáo viên THCS	DTTS	5	76,70	67,30	72,00	77,00	Hỏng	
7	Phạm Thị Thu		1992	Ninh Hải, Ninh Thuận	Thạc sĩ	Chính quy	Sư phạm Ngữ văn	A	A2	Giáo viên THCS			95,80	96,30	96,05	96,05	**Trúng tuyển**	
8	Phạm Thị Kiều		1993	Ninh Hải, Ninh Thuận	Đại học	Chính quy	Sư phạm Ngữ văn	A	B	Giáo viên THCS			87,30	78,20	82,75	82,75	Hỏng	
9	Trần Thị Thanh Ngân		1997	Ninh Hải, Ninh Thuận	Đại học	Chính quy	Sư phạm Ngữ văn	Nâng cao	B2	Giáo viên THCS			64,70	65,00	64,85	64,85	Hỏng	
10	Nguyễn Thị Kim Cúc		1992	Ninh Hải, Ninh Thuận	Đại học	Chính quy	Sư phạm Ngữ văn	B	B	Giáo viên THCS	DTTS	5	84,80	84,20	84,50	89,50	Hỏng	